TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoàng Khải

2. Ông Bùi Văn Phục

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang

Ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 647/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông La Văn D, sinh năm: 1962; Địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967; Địa chỉ: ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/10/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông La Văn D trình bày:

Ông D và bà Nguyễn Thị H làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1987, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H ghen tuông và quản lý tài chính khắc khe với ông D, nên ông bà thường xuyên xảy ra cự cải, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình.

Về con chung: có 02 con chung sinh đôi là La Thị T, sinh năm: 1988 và La Thị H, sinh năm: 1988.

Về tài sản chung: 20 cây vàng 24K, 01 xe Hoada hiệu Air Blade, 01 nền nhà, 01 căn nhà cấp 4 và 01 công đất ruộng (nhà đất tọa lạc tại ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H) yêu cầu chia 1/2. Ngoài ra ông D có 03 công đất ruộng được cha mẹ tặng cho riêng yêu cầu bà H trả lại; về nợ chung: không có

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H; Về con chung: La Thị T, sinh năm: 1988 và La Thị H, sinh năm: 1988 đã trưởng thành và sống tự lập, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: tại phiên tòa ông D cho rằng do điều kiện kinh tế khó khăn nên không thể đóng tiền tạm ứng án phí về việc chia tài sản chung theo thông báo nộp tạm ứng án phí của Tòa án. Do đó về tài sản chung ông D sẽ thỏa thuận với bà H, nếu không được thì ông D sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân; con chung bà H thống nhất như ông D trình bày là đúng, bà H và ông D làm lễ cưới và chung sống với nhau năm 1987. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm và do ông D không chung thủy, về nhà kiếm chuyện cự cải với bà H, nên mất hạnh phúc gia đình.

Nay ông D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa ông D và bà H thì bà H không đồng ý, muốn vợ chồng đoàn tụ; Về con chung: La Thị T, sinh năm: 1988 và La Thị H, sinh năm: 1988 đã trưởng thành và sống tự lập, nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông La Văn D và bà Nguyễn Thị H chung sống và làm lễ cưới năm 1987 (không nhớ ngày tháng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, ông D và bà H không cung cấp được giấy kết hôn, nên xem như ông bà không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D và bà H bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống và không thật sự tin yêu, quan tâm chăm sóc cho nhau, dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án ông D vẫn kiên quyết ly hôn, bà H không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Do đó có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông D, nhưng vì ông bà không làm giấy kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: 02 con chung sinh đôi là La Thị T, sinh năm: 1988 và La Thị H, sinh năm: 1988 đã trưởng thành và sống tự lập, nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung: ông La Văn D có đơn yêu cầu chia ½ tài sản chung gồm 20 cây vàng 24K, 01 xe Honda hiệu Air Blade, 01 nền nhà, 01 căn nhà cấp 4 và 01 công đất ruộng (nhà đất tọa lạc tại ấp Tân Q, xã Tân B, huyện P, tỉnh H). Tòa án đã tống đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho ông D, nhưng ông D không đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định và tại phiên tòa ông D cũng thừa

nhận vì điều kiện khó khăn nên không thể đóng tiền tạm ứng án phí. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện chia tài sản cho các đương sự thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông La Văn D và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

Về con chung: 02 con chung sinh đôi là La Thị T, sinh năm: 1988 và La Thị H, sinh năm: 1988 đã trưởng thành và sống tự lập, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông La Văn D phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000575 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Phụng Hiệp;
- THA h. Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng